

Thương mại vẫn tích cực dù bối cảnh toàn cầu nhiều thách thức

Vũ Việt Linh

Chuyên Viên, Ngành Kinh Tế Vĩ Mô
linh.vuviet@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4870

Phạm Vũ Thăng Long

Giám đốc, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

- Trong tháng 6, KNXXK và KNNK tiếp tục tăng tích cực lần lượt 12,4% và 14,3% so với cùng kỳ. Lũy kế kể từ đầu năm, KNXXK và KNNK tăng lần lượt 14,9% và 17,3% (so với giảm lần lượt 11,3% và 18% trong 6 tháng đầu năm 2023).
- Cán cân thương mại chuyển sang dương (3,2 tỷ USD) trong tháng 6, giúp thặng dư thương mại kể từ đầu năm đạt 11,8 tỷ USD (so với thặng dư 13,4 tỷ USD trong 6 tháng đầu 2023).
- Trong tháng 7, HSC dự báo KNXXK và KNNK sẽ tăng lần lượt 14,7% và 15,9%, tương đương thặng dư thương mại ước tính đạt 3,2 tỷ USD.
- Triển vọng thương mại toàn cầu vẫn khả quan nhưng thị trường vẫn đưa ra những điều chỉnh dự báo trái chiều cho năm 2024-2025 do tình hình bất ổn địa chính trị gia tăng và các chính sách bảo hộ thương mại.

Thương mại tiếp tục tăng tốt trong tháng 6

Trong tháng 6, KNXXK và KNNK tiếp tục tăng trưởng tích cực lần lượt 12,4% và 14,3% so với cùng kỳ (so với tăng lần lượt 13,9% và 25,7% so với cùng kỳ trong tháng 5). Đà tăng trưởng thương mại có chậm lại một chút, nhưng đã nằm trong dự báo do mức nền tăng lên. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, KNXXK và KNNK tăng lần lượt 14,9% và 17,3% so với cùng kỳ (so với giảm lần lượt 11,3% và 18% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2023).

Cán cân thương mại chuyển sang dương (3,2 tỷ USD) trong tháng 6, từ đó giúp thặng dư thương mại kể từ đầu năm đạt 11,8 tỷ USD (so với thặng dư 13,4 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm 2023).

HSC duy trì dự báo thương mại cho năm 2024 và 2025

Trong tháng 7/2024, HSC dự báo KNXXK và KNNK sẽ tăng lần lượt 14,7% và 15,9% so với cùng kỳ (so với tăng lần lượt 12,4% và 14,3% so với cùng kỳ trong tháng 5/2024) dựa trên 2 yếu tố tốt (1) sản phẩm CNTT tiếp tục tăng trưởng mạnh và (3) các nhóm hàng chủ lực khác (như nông nghiệp, máy móc) tăng lên. Theo đó, thặng dư thương mại tháng 7 ước tính đạt 3,2 tỷ USD.

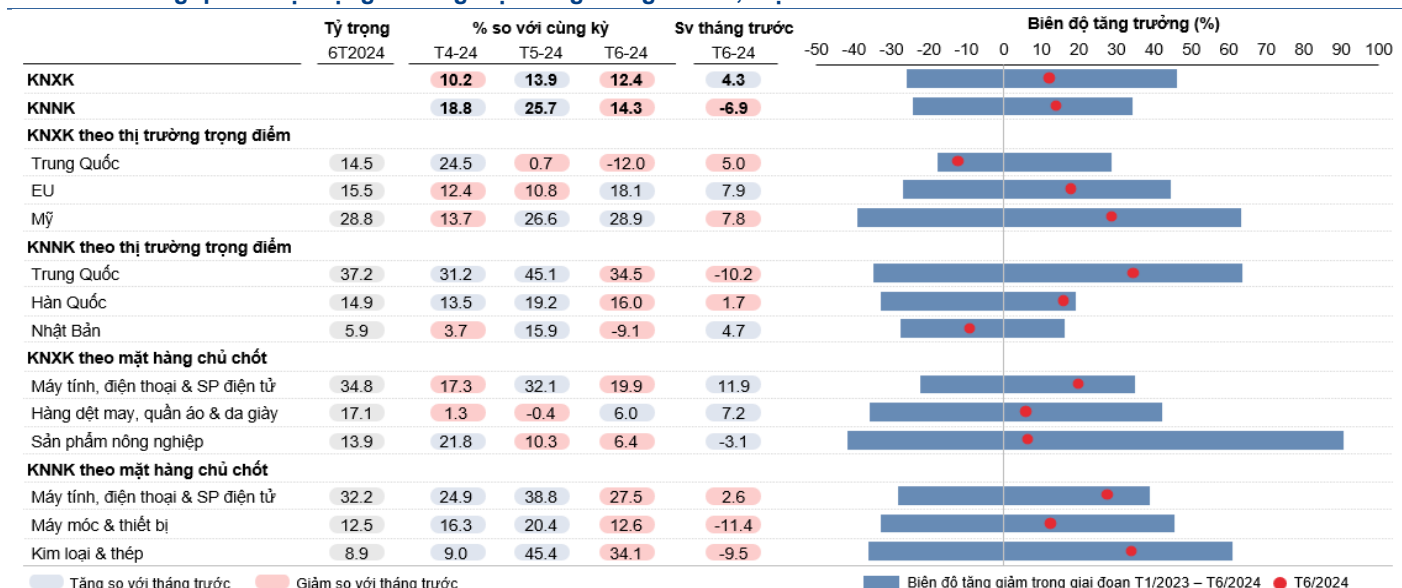
HSC giữ nguyên dự báo KNXXK và KNNK cả năm 2024 tăng trưởng lần lượt 12,5% và 13,5% (so với giảm lần lượt 4,6% và 9,2% so với cùng kỳ trong năm 2023). Theo đó, thương mại dự kiến thặng dư 28,6 tỷ USD trong năm 2024 (so với thặng dư 28,4 tỷ USD trong năm 2023). Cho năm 2025, chúng tôi vẫn dự báo KNXXK và KNNK đều tăng trưởng 12%.

Các dự báo thương mại toàn cầu được điều chỉnh trái chiều

Thương mại toàn cầu được dự báo tăng trưởng 2,7% cho năm 2024, cải thiện đáng kể sau khi gần như đi ngang (tăng trưởng 0,3%) trong năm 2023. Tuy nhiên, thị trường vẫn đưa ra những điều chỉnh dự báo trái chiều cho năm 2024-2025 do tình hình bất ổn địa chính trị gia tăng và các chính sách bảo hộ thương mại.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 11/7.

Biểu đồ 1: Tổng quan hoạt động thương mại trong tháng 6/2024, Việt Nam



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Cập nhật triển vọng thương mại hàng tháng

Trong tháng 6, KNXK và KNNK tăng tốt như dự kiến. Cán cân thương mại chuyển sang dương trở lại giúp thặng dư đạt mức cao nhất kể từ tháng 1/2024. Theo đối tác thương mại, Mỹ và EU vẫn dẫn đầu tăng trưởng KNXK, bù đắp sự sụt giảm nhu cầu từ Trung Quốc. Theo mặt hàng, nhóm sản phẩm CNTT tiếp tục giúp đẩy mạnh tăng trưởng trong khi nhóm hàng dệt may cuối cùng đã cho thấy sự hồi phục ổn định hơn. Với việc kết quả gần đây sát với dự báo, HSC giữ nguyên dự báo KNXK và KNNK năm 2024 & 2025.

Thương mại tiếp tục tăng trưởng tốt trong tháng 6

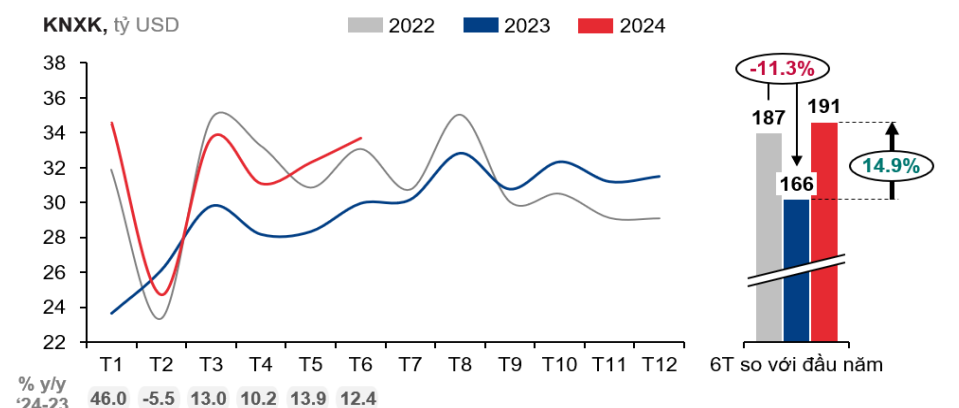
Trong tháng 6, KNXK và KNNK tiếp tục tăng tích cực lần lượt 12,4% và 14,3% so với cùng kỳ (so với tăng lần lượt 13,9% và 25,7% so với cùng kỳ trong tháng 5/2024). Tăng trưởng thương mại hạ nhiệt nhẹ đã nằm trong dự báo do mức nền tăng lên và nhìn chung đúng như dự báo của chúng tôi (KNXK và KNNK tăng lần lượt 11,6% và 17,3% so với cùng kỳ) (Mời xem: [Hoạt động thương mại vẫn tích cực, KNNK cả năm có thể vượt dự báo](#), ngày 1/7/2024, HSC).

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, KNXK và KNNK tăng lần lượt 14,9% và 17,3% so với cùng kỳ (so với giảm lần lượt 11,3% và 18% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2023) (Biểu đồ 2 & 3).

Cán cân thương mại chuyển sang dương (3,2 tỷ USD) trong tháng 6, từ đó giúp thặng dư thương mại kể từ đầu năm đạt 11,8 tỷ USD (so với thặng dư 13,4 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm 2023) (Biểu đồ 4).

Biểu đồ 2: KNXK hàng tháng

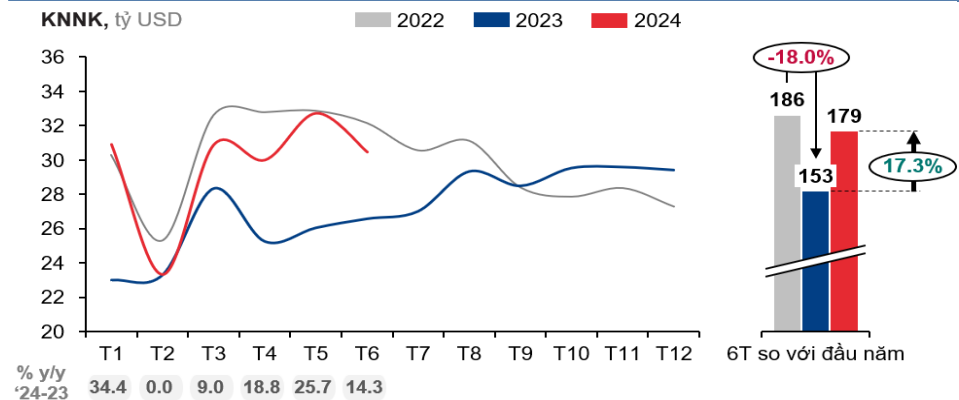
KNXK tháng 6 đã tăng chậm lại, đạt 12,4% so với cùng kỳ (so với tăng 13,9% so với cùng kỳ trong tháng 5)



Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, KNXK đã cao hơn 2% so với cùng kỳ năm 2022.

Biểu đồ 3: KNNK hàng tháng

KNNK tháng 6 tăng giảm xuống còn 14,3% so với cùng kỳ, thấp hơn so với mức tăng 25,7% so với cùng kỳ trong tháng 5

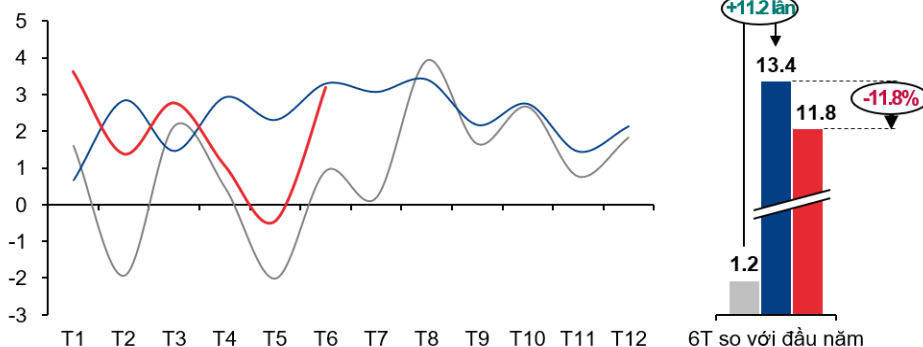


Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, KNNK gần đạt mức cùng kỳ năm 2022, chỉ giảm 4%.

Biểu đồ 4: Cán cân thương mại hàng tháng

Cán cân thương mại tháng dư trở lại trong tháng 6, đạt mức 3,2 tỷ USD

Cán cân thương mại, tỷ USD 2022 2023 2024



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Cán cân thương mại tháng 6 thặng dư lớn đã hỗ trợ đáng kể cho đồng VND trong bối cảnh sức ép gia tăng khi đồng USD mạnh lên trên toàn cầu

Tăng trưởng thương mại của Việt Nam tiếp tục vượt trội khu vực kể từ đầu năm

Thương mại của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng vượt trội so với khu vực kể từ đầu năm, đặc biệt là KNNK (Biểu đồ 5 & 6). Xu hướng này sát với số liệu khảo sát PMI gần đây, với số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới & sức mua của Việt Nam mạnh hơn so với khu vực (Mời xem Biểu đồ 16 & 17 trong phần Phụ lục). Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý rằng Việt Nam có mức nền so sánh thấp hơn do hoạt động thương mại trong 6 tháng đầu năm 2023 đã giảm mạnh hơn các nước cùng khu vực.

Biểu đồ 5: Tăng trưởng KNXX tại một số nền kinh tế (từ đầu năm % y/y)*

Tăng trưởng XK của Việt Nam tiếp tục cao hơn các quốc gia trong khu vực

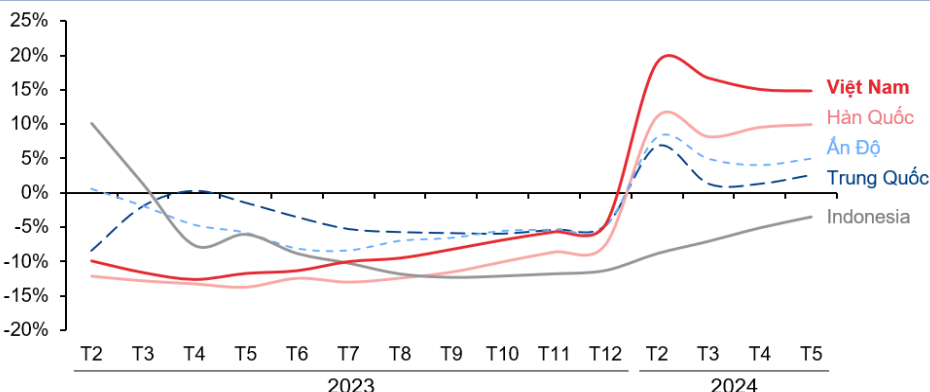
KNXX 5 tháng đầu 2024:

- Việt Nam (tăng 14,9% svck)
- Hàn Quốc (tăng 9,9% svck)
- Ấn Độ (tăng 5,0% svck)
- Trung Quốc (tăng 2,7% svck)
- Indonesia (giảm 3,5% svck)

So với:

KNXX 5 tháng đầu 2023:

- Việt Nam (giảm 11,7% svck)
- Hàn Quốc (giảm 13,7% svck)
- Ấn Độ (giảm 5,8% svck)
- T. Quốc (giảm 1,4% svck)
- Indonesia (giảm 6,1% svck)



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam, HSC

*Ghi chú: Dữ liệu 5 tháng đầu năm 2024 được sử dụng để đảm bảo khả năng so sánh do hầu hết các quốc gia trong khu vực chưa công bố số liệu thương mại tháng 6

Biểu đồ 6: Tăng trưởng KNNK tại một số nền kinh tế (từ đầu năm % y/y)

Việt Nam có mức tăng trưởng KNNK cao hơn nhiều so với các quốc gia trong khu vực

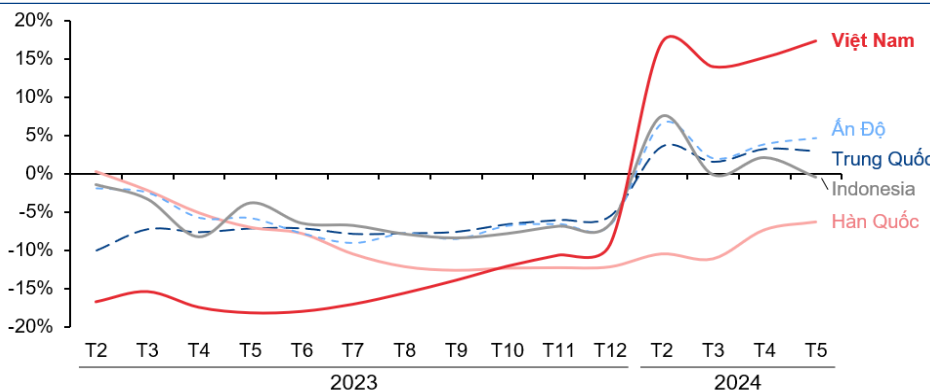
KNNK 5 tháng đầu 2024:

- Việt Nam (tăng 17,4% svck)
- Ấn Độ (tăng 4,7% svck)
- Trung Quốc (tăng 2,9% svck)
- Indonesia (giảm 0,4% svck)
- Hàn Quốc (giảm 6,3% svck)

So với:

KNNK 5 tháng đầu 2023:

- Việt Nam (giảm 21,3% svck)
- Ấn Độ (tăng 16,4% svck)
- T. Quốc (giảm 5,8% svck)
- Indonesia (giảm 5,8% svck)
- Hàn Quốc (giảm 8,6% svck)



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Thị trường Mỹ tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng KNXX trong khi thị trường Trung Quốc vẫn đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng KNNK

Trong tháng 6, KNXX sang Mỹ tiếp tục tăng nhanh 28,9% so với cùng kỳ (so với tăng 26,6% so với cùng kỳ trong tháng 5) (Biểu đồ 7), với các động lực chính đến từ sản phẩm CNTT (tăng 58,7% so với cùng kỳ) và máy móc (tăng 40,2% so với cùng kỳ) (Mời xem Biểu đồ 22 trong phần Phụ lục). Kể từ tháng 11/2023, Mỹ liên tục là thị trường đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng KNXX.

Tuy nhiên, KNXX sang Trung Quốc tiếp tục suy yếu, giảm 12% so với cùng kỳ trong tháng 6 (so với tăng 0,7% so với cùng kỳ trong tháng 5) do (1) KNXX các sản phẩm CNTT giảm tốc và (2) mức nền cao hơn (Mời xem Biểu đồ 24 trong phần phụ lục).

Tuy nhiên, Trung Quốc vẫn là động lực chính cho tăng trưởng KNNK với KNNK từ Trung Quốc tăng 34,5% so với cùng kỳ trong tháng 6 (so với tăng 45,1% so với cùng kỳ trong tháng 5) (Biểu đồ 8).

Biểu đồ 7: KNXX theo các thị trường trọng điểm

Thị trường Mỹ tiếp tục là động lực chính đẩy mạnh tăng trưởng KNXX tháng 6

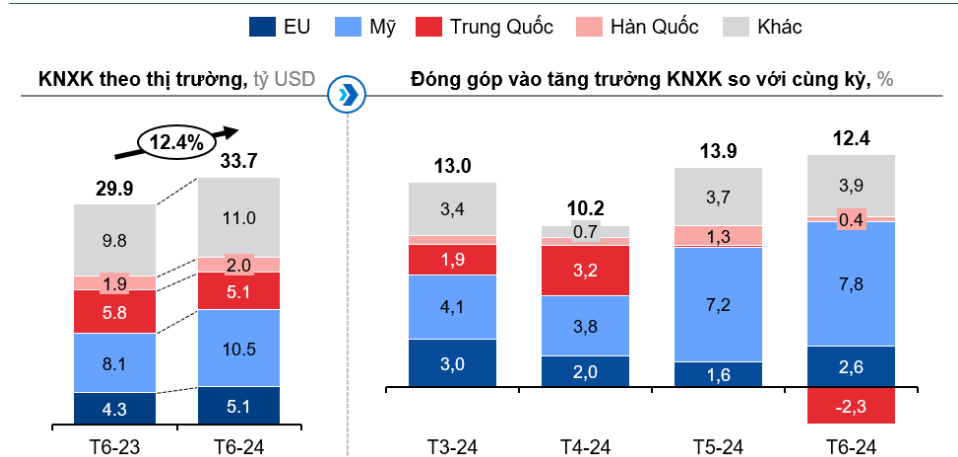
Theo thị trường trong 6 tháng đầu năm 2024:

- Mỹ (tăng 23,6% svck)
- EU (tăng 16,7% svck)
- Trung Quốc (tăng 4,9% svck)

So với:

Theo thị trường trong 6 tháng đầu năm 2023:

- Mỹ (giảm 22% svck)
- EU (giảm 9,3% svck)
- Trung Quốc (tăng 0,8% svck)



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 8: KNNK theo các thị trường trọng điểm

Thị trường Trung Quốc tiếp tục là động lực chính đẩy mạnh tăng trưởng KNNK tháng 6

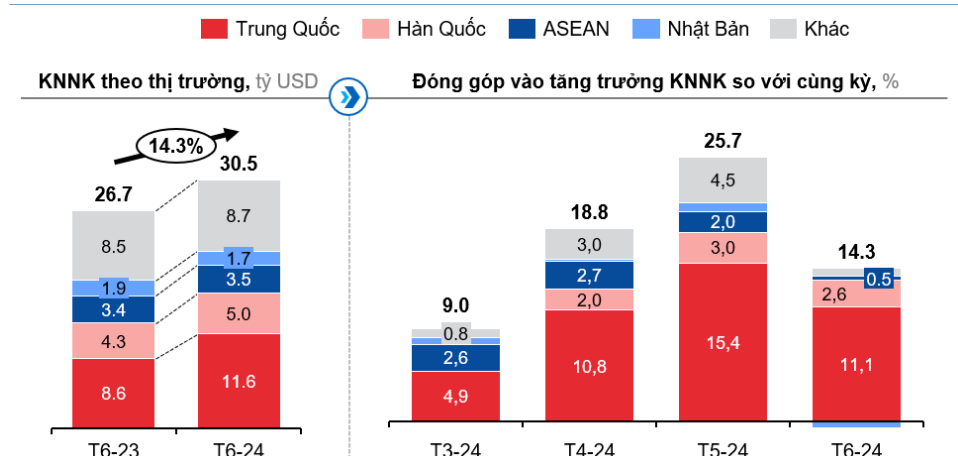
Theo thị trường trong 6 tháng đầu năm 2024:

- T.Quốc (tăng 32,9% svck)
- ASEAN (tăng 12,2% svck)
- Hàn Quốc (tăng 8,9% svck)

So với:

Theo thị trường trong 6 tháng đầu năm 2023:

- T.Quốc (giảm 18,8% svck)
- ASEAN (giảm 17,8% svck)
- Hàn Quốc (giảm 24,9% svck)



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Sản phẩm CNTT vẫn dẫn đầu tăng trưởng thương mại, tiếp theo là máy móc & dệt may

Trong tháng 6, thương mại các sản phẩm CNTT tiếp tục tăng trưởng mạnh với KNXK và KNNK tăng lần lượt 19,9% và 27,5% so với cùng kỳ (so với tăng lần lượt 32,1% và 38,8% so với cùng kỳ trong tháng 5), vẫn đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng thương mại (Biểu đồ 9 & 10).

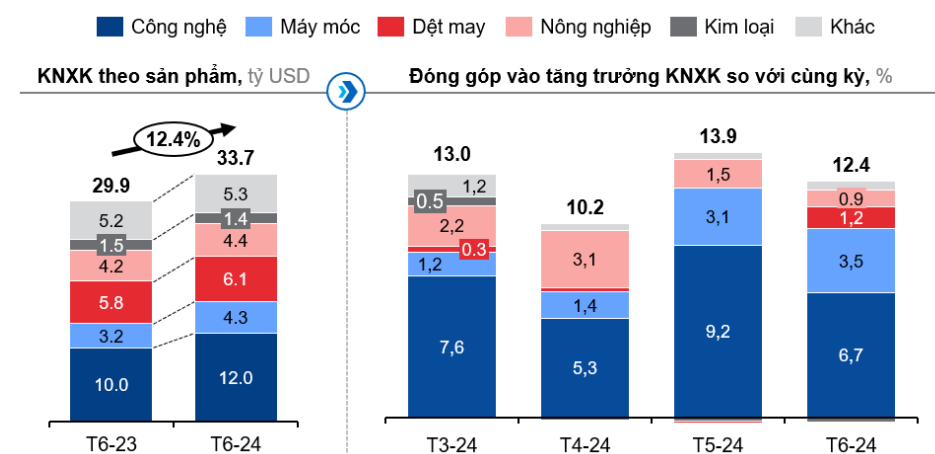
Thương mại các sản phẩm máy móc vẫn tích cực trong tháng 6 với KNXK và KNNK tăng lần lượt 32% và 12,6% so với cùng kỳ (so với tăng lần lượt 26,5% và 20,4% so với cùng kỳ trong tháng 5).

Trong khi đó, thương mại các sản phẩm liên quan đến dệt may cuối cùng đã cho thấy sự hồi phục ổn định hơn trong tháng 6 với cả KNXK và KNNK tăng lần lượt 6% và 9,3% so với cùng kỳ (so với giảm 0,4% và tăng 9,3% so với cùng kỳ trong tháng 5).

KNNK các sản phẩm kim loại duy trì tăng trưởng mạnh trong tháng 6 ở mức 34,1% so với cùng kỳ (so với tăng 45,4% so với cùng kỳ trong tháng 5), tiếp tục đóng góp lớn thứ 2 vào tăng trưởng KNNK tổng thể (Biểu đồ 10).

Biểu đồ 9: KNXK theo các sản phẩm chủ lực

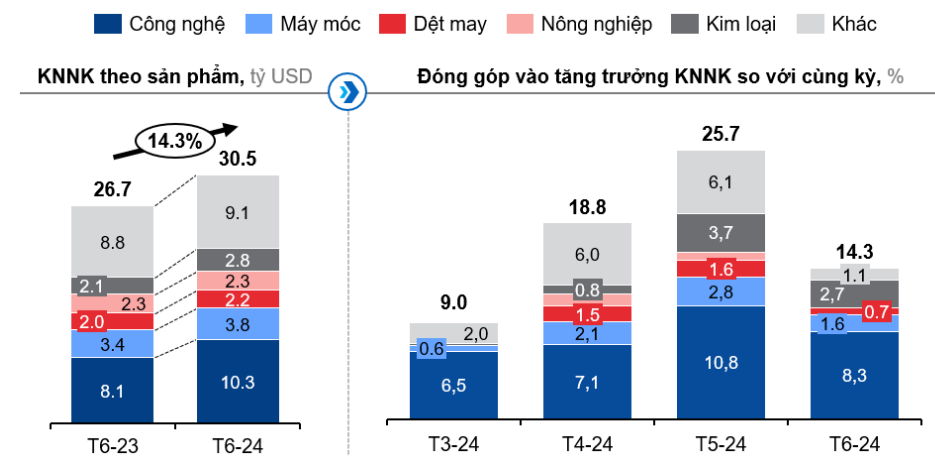
Sản phẩm công nghệ tiếp tục đóng góp lớn nhất cho tăng trưởng KNXK trong tháng 6



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam, HSC
Nhóm công nghệ bao gồm điện thoại, máy tính & SP điện tử.
Nhóm hàng dệt may chủ yếu gồm các sản phẩm dệt, may mặc, giày dép, sợi & vải.
Nhóm sản phẩm nông nghiệp chủ yếu gồm thủy sản, gạo, rau quả, gỗ, cà phê, v.v.
Nhóm kim loại chủ yếu gồm các kim loại thường, thép và sản phẩm thép.

Biểu đồ 10: KNNK theo sản phẩm chủ lực

Sản phẩm CNTT và kim loại tiếp tục là động lực chính đẩy mạnh tăng trưởng KNNK tháng 6



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Theo sản phẩm trong 6 tháng đầu năm 2024:

- CNTT (+22,3% svck)
- Nông nghiệp (+18,8% svck)
- Máy móc (+17% svck)
- Hàng dệt may (+5,5% svck)

So với:

Theo sản phẩm trong 6 tháng đầu năm 2023:

- CNTT (-12,1% svck)
- Nông nghiệp (-11,2% svck)
- Máy móc (-8,1% svck)
- Hàng dệt may (-16,3% svck)

Theo sản phẩm trong 6 tháng đầu năm 2024:

- CNTT (+26,9% svck)
- Kim loại (+23,9% svck)
- Máy móc (+14,5% svck)
- Hàng dệt may (+13,1% svck)

So với:

Theo sản phẩm trong 6 tháng đầu năm 2023:

- CNTT (-20,6% svck)
- Kim loại (-23,5% svck)
- Máy móc (-13,5% svck)
- Hàng dệt may (-20% svck)

HSC duy trì dự báo thương mại cho năm 2024-2025

Như đã đề cập trong báo cáo trước đó, HSC tiếp tục dự báo thương mại sẽ dần lấy lại vị thế là một trong ba trụ cột chính của tăng trưởng kinh tế trong năm 2024 (Mời xem: [Triển vọng thương mại & FDI: Từ kiên cường đến sức mạnh](#), ngày 30/1/2024, HSC).

Trong tháng 7/2024, HSC dự báo cả KNXX và KNNK sẽ tăng lần lượt 14,7% và 15,9% so với cùng kỳ (so với tăng lần lượt 12,4% và 14,3% so với cùng kỳ trong tháng 6/2024) dựa trên 2 yếu tố (1) sản phẩm CNTT tiếp tục tăng trưởng mạnh và (3) các nhóm hàng chủ lực khác (như nông nghiệp, máy móc) tăng lên (Biểu đồ 11 & 12). Theo đó, thặng dư thương mại tháng 7 ước tính đạt 3,2 tỷ USD.

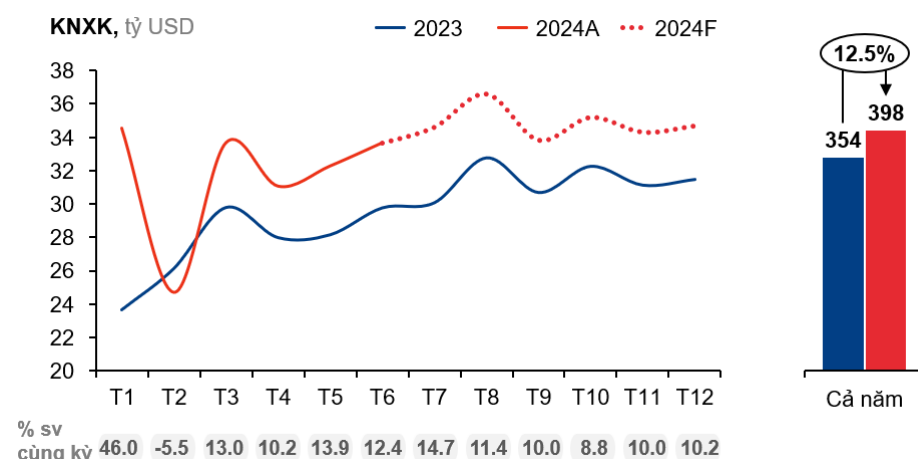
Với việc kết quả gần đây sát với dự báo, HSC giữ nguyên dự báo KNXX và KNNK cả năm 2024 tăng trưởng lần lượt 12,5% và 13,5% (so với giảm lần lượt 4,6% và 9,2% trong năm 2023). Theo đó, thương mại dự kiến thặng dư 28,6 tỷ USD trong năm 2024 (so với thặng dư 28,4 tỷ USD trong năm 2023) (Biểu đồ 13).

Cho năm 2025, chúng tôi tiếp tục dự báo KNXX và KNNK đều tăng trưởng 12% (Biểu đồ 10), tương đương thặng dư 32,1 tỷ USD.

Biểu đồ 11: Tóm tắt dự báo KNXX hàng tháng

HSC dự báo KNXX sẽ tăng nhanh hơn, đạt 14,7% so với cùng kỳ trong tháng 7

Cho năm 2024, KNXX được dự báo đạt 398 tỷ USD, tăng trưởng 12,5% so với năm 2023 và tăng trưởng 7,3% so với năm 2022.

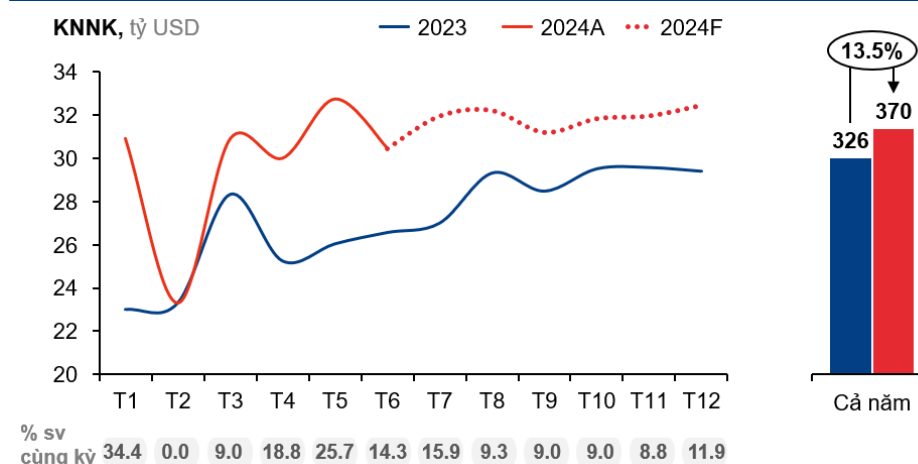


Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 12: Tóm tắt dự báo KNNK hàng tháng

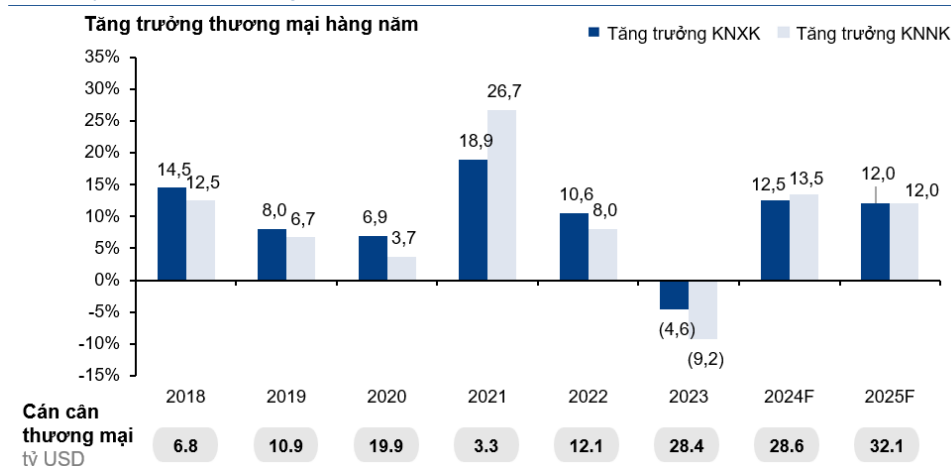
Chúng tôi dự báo KNNK sẽ tăng lên mức 15,9% so với cùng kỳ trong tháng 7

Cho năm 2024, KNNK được dự báo đạt 370 tỷ USD, tăng trưởng 13,5% so với năm 2023 và tăng trưởng 3,1% so với năm 2022.



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 13: Tổng hợp dự báo thương mại hàng năm
HSC duy trì dự báo thương mại cả năm cho năm 2024-2025



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam, HSC

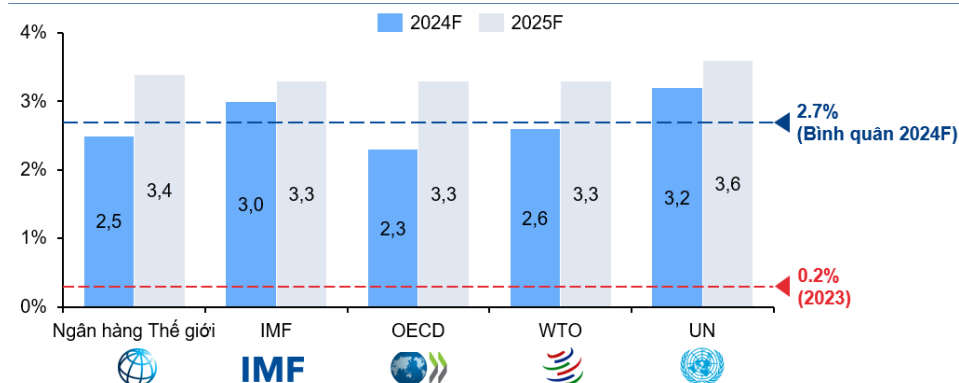
Các dự báo thương mại cho thấy những điều chỉnh trái chiều cho đến nay

Thương mại toàn cầu hiện được dự báo sẽ tăng trưởng khoảng 2,7% trong năm 2024, cải thiện đáng kể so với gần như đi ngang (tăng trưởng 0,3%) trong năm 2023. Tuy nhiên, trong bối cảnh nhiều rủi ro gia tăng như căng thẳng địa chính trị, vận tải gián đoạn và chính sách thương mại không chắc chắn, các dự báo thương mại toàn cầu gần đây đã có những điều chỉnh trái chiều cho năm 2024 & 2025 (Biểu đồ 14 & 15).

Biểu đồ 14: Tóm tắt dự báo thương mại toàn cầu hàng năm

Thị trường tiếp tục kỳ vọng tăng trưởng thương mại toàn cầu sẽ tăng tốc trong năm 2024

Trong năm 2024, thương mại toàn cầu dự báo sẽ hồi phục nhờ sức ép lạm phát hạ nhiệt, thu nhập thực của hộ gia đình cải thiện, quá trình giải phóng hàng tồn kho kết thúc và tiềm năng các thị trường phát triển cắt giảm lãi suất.

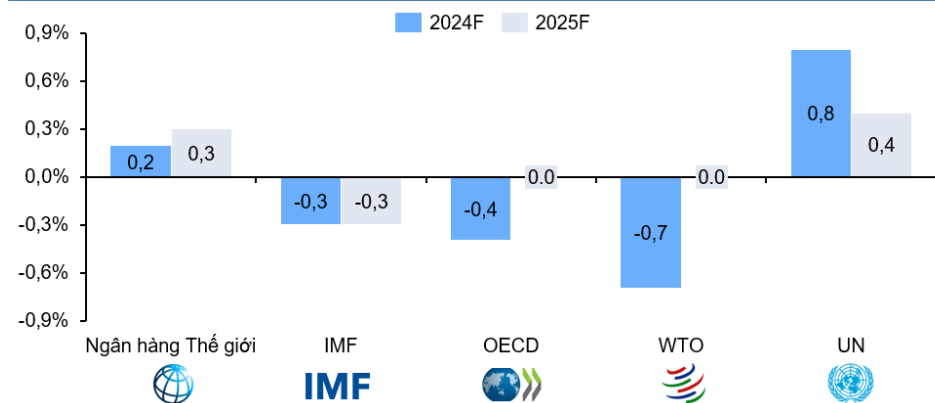


Nguồn: Ngân hàng Thế giới, IMF, OECD, WTO, UN, HSC

Biểu đồ 15: Những điều chỉnh mới nhất dự báo thương mại toàn cầu

Triển vọng thương mại toàn cầu giai đoạn 2024-25 có nhiều điều chỉnh trái chiều

Các điều chỉnh dự báo đối với thương mại toàn cầu năm 2024 & 2025 có sự phân hóa do các bất ổn ngày càng gia tăng đối với tình hình địa chính trị, định hướng chính sách thương mại và thời điểm cắt giảm lãi suất ở các thị trường phát triển



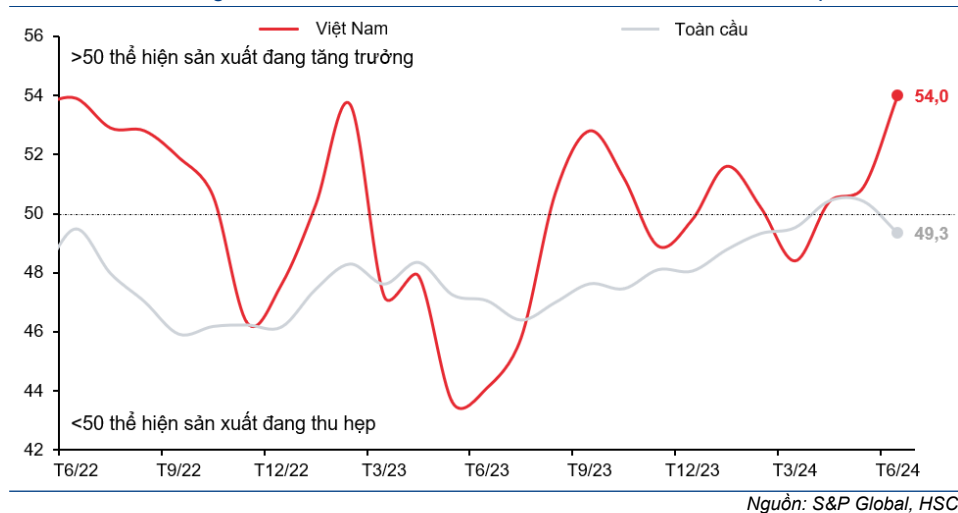
Nguồn: Ngân hàng Thế giới, IMF, OECD, WTO, UN, HSC

Phụ lục:

Chỉ số sản xuất PMI của Việt Nam và Thế giới

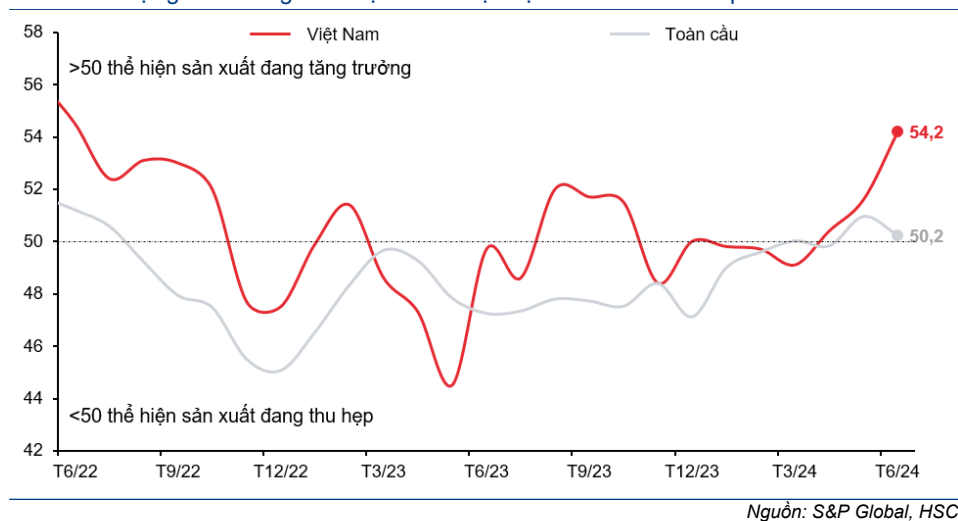
Biểu đồ 16: PMI sản xuất: Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới

Chỉ số đơn đặt hàng xuất khẩu mới của Việt Nam vượt trội hơn so với bình quân toàn cầu



Biểu đồ 17: PMI sản xuất: Số lượng mua hàng

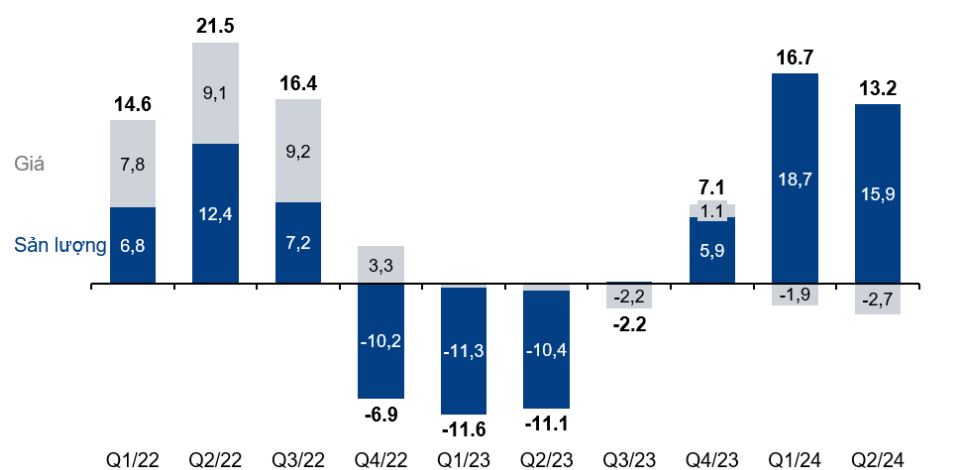
Chỉ số số lượng mua hàng của Việt Nam vượt trội hơn so với bình quân toàn cầu



Cơ cấu tăng trưởng thương mại theo giá và sản lượng

Biểu đồ 18: Đóng góp vào tăng trưởng KNXK hàng quý theo giá và sản lượng

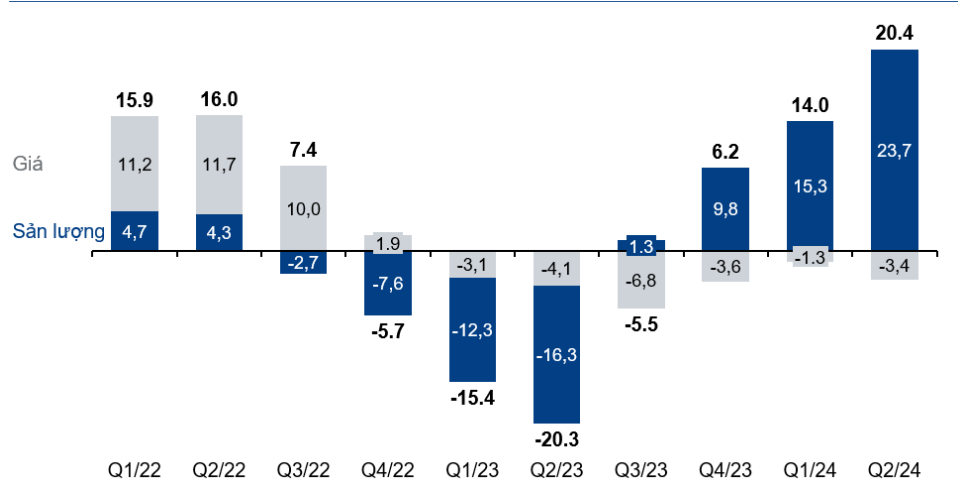
Về mặt sản lượng, KNXK tăng 16,1% so với cùng kỳ trong Q2/2024 (so với mức 18,8% so với cùng kỳ trong Q1/2024)



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 19: Đóng góp vào tăng trưởng KNNK hàng quý theo giá và sản lượng

Về mặt sản lượng, KNNK tăng 24,1% so với cùng kỳ trong Q2/2024 (so với mức 15,4% so với cùng kỳ trong Q1/2024)

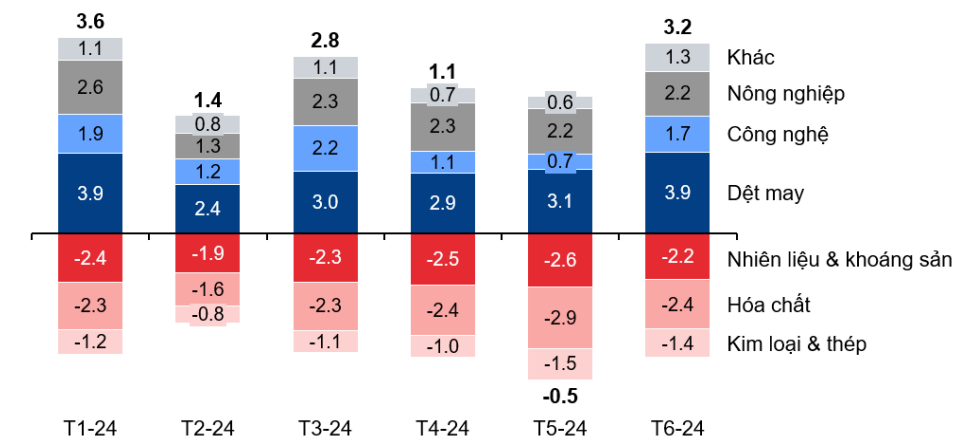


Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Cơ cấu cán cân thương mại theo các sản phẩm và quốc gia đối tác

Biểu đồ 20: Cán cân thương mại theo nhóm sản phẩm

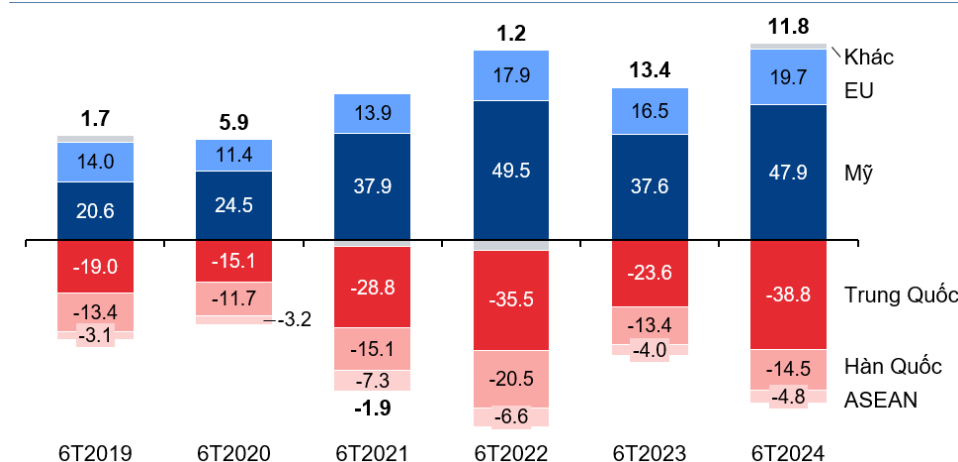
Hàng dệt may, SP nông nghiệp và CNTT đã đóng góp chính vào thặng dư thương mại



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 21: Cán cân thương mại theo các quốc gia đối tác

Việt Nam liên tục duy trì thặng dư thương mại với Mỹ và EU trong khi cán cân thương mại với Trung Quốc và Hàn Quốc vẫn thâm hụt

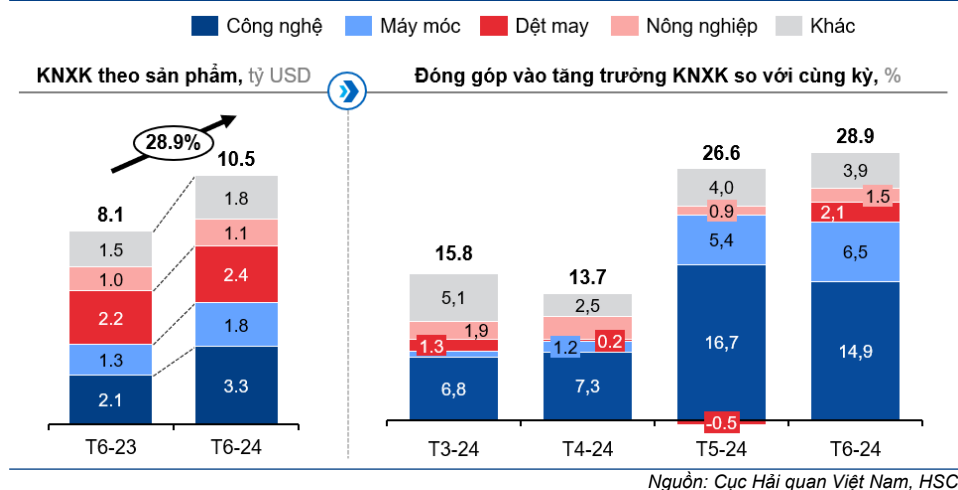


Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Cơ cấu các thị trường xuất khẩu và thị trường nhập khẩu trọng điểm theo các sản phẩm chủ lực

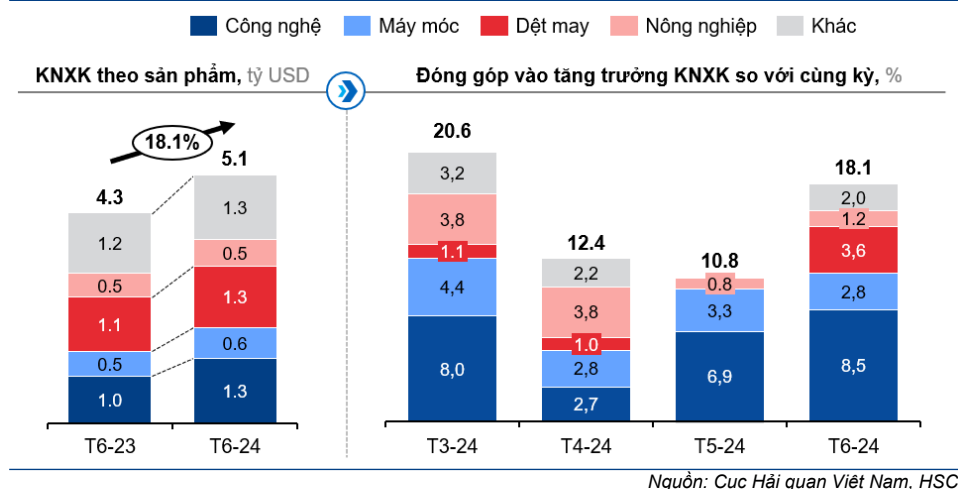
Biểu đồ 22: KNXK sang thị trường Mỹ theo các sản phẩm

KNXK sang thị trường Mỹ tiếp tục tăng mạnh nhờ nhóm sản phẩm CNTT và máy móc



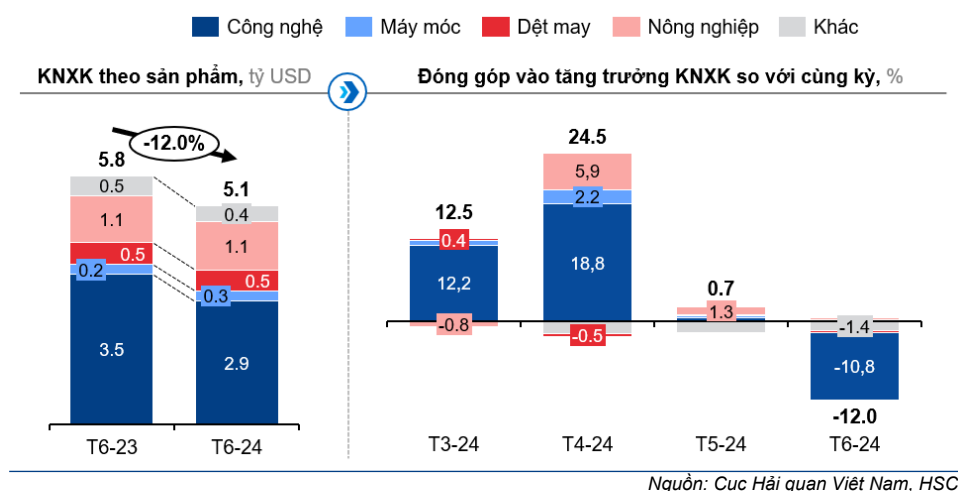
Biểu đồ 23: KNXK sang thị trường EU theo các sản phẩm

KNXK sang thị trường EU tăng đáng kể trong tháng 6 nhờ xuất khẩu hàng dệt may tăng

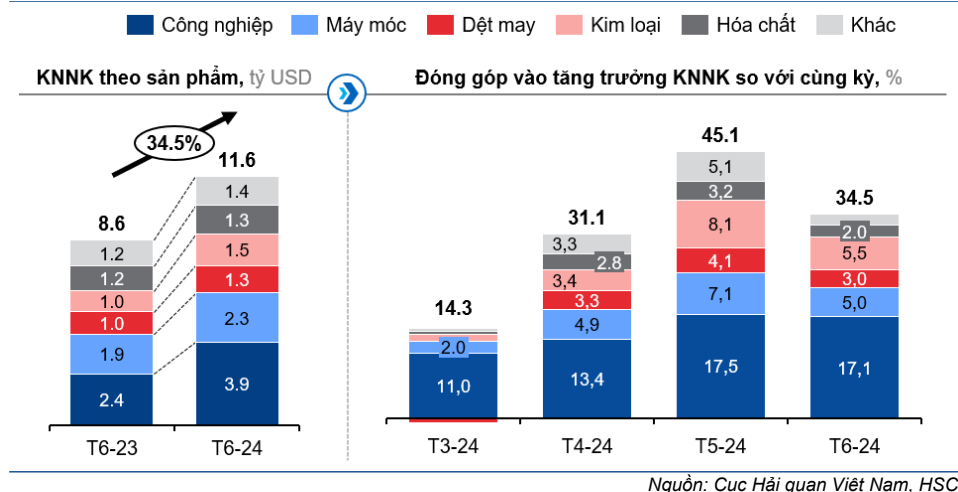


Biểu đồ 24: KNXK sang thị trường Trung Quốc theo các sản phẩm

KNXK sang thị trường Trung Quốc giảm 12% trong tháng 6 chủ yếu do xuất khẩu sản phẩm công nghệ giảm

**Biểu đồ 25: KNNK từ Trung Quốc theo các sản phẩm**

KNNK từ Trung Quốc tiếp tục tăng mạnh nhờ nhóm sản phẩm CNTT và máy móc



Bảng 26: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế và dự báo của HSC

	2018	2019	2020	2021	2022	2023E	2024F	2025F	2026F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,210	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	25,700	25,500	25,500
Tỷ giá (VND: CNY)	3,562	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,521	3,542	3,542
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	7.47	7.36	2.87	2.58	8.10	5.05	6.20	6.50	6.50
GDP (tỷ USD)	304	332	346	369	404	421	439	488	535
GDP bình quân đầu người (USD)	3,202	3,398	3,558	3,745	4,060	4,200	4,336	4,775	5,190
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	1.89	3.67	4.35	-2.21	-0.27	6.69	4.56	5.13	4.68
Nợ công/GDP (%)	46.2	42.8	43.8	44.7	38.0	39.8	40.1	39.2	38.3
Nợ Chính phủ/GDP (%)	39.5	37.4	38.5	39.6	34.7	36.8	36.8	36.2	35.6
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.21	2.09	2.71	3.76	3.60	4.46	3.54	2.81	2.57
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	102.9	106.3	115.0	124.4	125.3	132.7	137.7	142.4	146.8
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.19	2.15	2.63	3.56	2.32	2.26	2.30	2.30	2.30
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	3.5	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.8	3.4	3.3
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	3.0	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	3.2	3.4	3.3
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.25	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.50	5.00
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	3.9	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	4.5	4.0	3.0
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	10.7	13.6	12.2	13.6	14.2	13.5	14.5	14.0	13.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	9,212	10,574	12,111	13,402	14,227	15,999	18,079	20,248	22,678
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	12.4	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	13.0	12.0	12.0
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	55	79	95	107	85	90	86	100	115
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.8	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	5.5	6.0	6.2
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	5.00
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	4.4	2.4	1.2	1.0	4.6	1.9	2.7	3.0	3.2
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	4.9	3.2	2.0	2.9	4.8	2.2	3.0	3.3	3.6
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	7.2	10.9	19.9	3.3	12.1	28.4	28.6	32.1	35.6
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	5.8	12.2	15.1	-8.1	-1.1	28.2	20.0	25.0	25.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	238	253	263	333	360	326	370	415	461
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	12.5	6.7	3.7	26.7	8.0	-9.2	13.5	12.0	11.0
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	245	264	283	336	372	355	399	447	496
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	14.5	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.6	12.5	12.0	11.0
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	110	123	129	140	146	154	160	175	190
Nợ nước ngoài/GDP (%)	36.1	36.9	37.3	37.8	36.2	36.6	36.5	35.9	35.6
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	19.1	20.4	20.0	19.7	22.4	23.2	24.6	27.5	30.3
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	35.5	38.0	28.5	31.2	27.7	36.6	39.9	43.5	47.8
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	53.8	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	50.9	52.0	51.0
Giá trị sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	11.4	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.1	9.0	9.0
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	13.7	7.0	13.1	10.9	0.6	7.6	10.0	10.0	9.5
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo hàng năm (%)	12.3	10.5	4.9	6.0	8.0	3.6	8.0	8.5	8.5
Doanh số bán lẻ TB năm (%)	11.0	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.6	9.0	9.0	9.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t-11) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn